TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 662/2024/HC-PT
Ngày 27 tháng 6 năm 2024
V/v: "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 360/2024/TLPT-HC ngày 10 tháng 4 năm 204 về việc "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2624/2023/HC-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1818/2024/QĐPT-HC ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đặng Hữu Đ, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà F đường Ụ, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Đỗ Thị Minh C, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: C L, B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị C1 – Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Quốc H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: C L, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có:

- Ông Nguyễn Minh T - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố T (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 - Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố T (có mặt).

Cùng địa chỉ trụ sở làm việc: Số A đường T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Bùi Ngươn T2 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T (có đơn xin vắng mặt)

- Ông Nghiêm Văn N – Công chức Địa chính-Xây dựng-Đô thị và Môi trường phường T (có mặt).

Cùng địa chỉ trụ sở làm việc: 472 T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà F đường Ụ, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H1 ủy quyền cho ông Đặng Hữu Đ đại diện tham gia tố tụng, theo Giấy ủy quyền lập ngày 28/9/2023 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Đặng Hữu Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông Đặng Hữu Đ trình bày:*

Bà Lê Thị C2 có thửa đất số 661, tờ bản đồ số 61 phường T, thành phố T, diện tích 1065,1m^2 được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/9/2010. Năm 2008 bà C2 viết giấy tay cắt bán cho ông Nguyễn Anh K diện tích 40m^2 và ông Nguyễn Anh K xây dựng nhà cấp 4 trên đất để ở, năm 2010 ông K viết giấy tay chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn B, năm 2012 ông B viết giấy tay chuyển nhượng lại cho bà Mai Hồng T3 và năm 2013 bà T3 lập giấy tay chuyển nhượng lại cho ông Đặng Hữu Đ.

Sau khi mua nhà vợ chồng ông ở đến năm 2018 thì làm thủ tục cấp số nhà, ông đưa toàn bộ giấy tờ gốc mua nhà đất để dịch vụ nộp cho cơ quan Nhà nước làm thủ tục, nên hiện nay vợ chồng ông không còn bản gốc bất kỳ loại giấy tờ

mua bán nào để nộp cho Tòa. Ngày 23/10/2018, UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận số nhà F đường Ụ, Khu phố B, phường T, thành phố T cho ông. Từ khi mua đến nay vợ chồng ông chưa hoàn thiện về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng, cũng chưa kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

Ngày 20/01/2022, UBND phường T lập biên bản cho rằng ông vi phạm: "*chuyển đất nông nghiệp trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị*". Ngày 22/02/2022, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1235/QĐ - KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả - buộc ông tháo dỡ nhà xây dựng kết cấu vách gạch + tôn, mái tôn trên diện tích 40m^2.

Ông cho rằng Quyết định 1235/QĐ - KPHQ buộc ông tháo dỡ nhà là không đúng, vì nhà ông K làm từ năm 2008 nhưng không bị xử phạt và thu thuế đất ở, không phải ông xây dựng, ông mua nhà và sử dụng nguyên trạng từ năm 2013 cho đến nay. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa xét xử: hủy Quyết định số 1235/QĐ - KPHQ ngày 22/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả - buộc ông tháo dỡ công trình nhà xây dựng kết cấu vách gạch + tôn, mái tôn trên diện tích 40m^2 đất.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ông không tranh chấp và ông cũng không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nội dung nào khác.

- Tại văn bản số 6999/UBND - TNMT ngày 14/11/2023 Chủ tịch UBND thành phố T trình bày: Ngày 20/01/2022, UBND phường T kiểm tra phát hiện tại địa chỉ số F đường Ụ, Khu phố B, phường T có ngôi nhà kết cấu vách gạch + tôn, mái tôn diện tích 40m^2 thuộc thửa đất 611, tờ bản đồ số 61 phường T thuộc loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, nên UBND phường T tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 16/BB - VPHC với lỗi: "*chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị*" nhưng chưa xác định được đối tượng vi phạm. Ngày 20/01/2022, UBND phường T có văn bản số 401/UBND chuyển hồ sơ vi phạm đến UBND thành phố T xử lý theo thẩm quyền. Ngày 25/01/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND thành phố T tiến hành xác minh thì hiện tại phần đất vi phạm do ông Đặng Hữu Đ đang quản lý, sử dụng đang ở.

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ - CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ và Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020, thì đất nông nghiệp trồng cây lâu năm nhưng tự ý sử dụng làm nhà ở là vi phạm khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ - CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tuy nhiên, thời điểm xây dựng nhà vào năm 2008 nhưng không xử lý, đến năm 2022 mới lập biên bản vi phạm là đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, do đó Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1235/QĐ - KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả - buộc ông Đặng Hữu Đ tháo dỡ công trình nhà xây dựng kết cấu vách gạch + tôn, mái tôn với diện tích 40m2, mà không ra Quyết định xử phạt vi phạm là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày*: Bà là vợ của ông Đặng Hữu Đ, bà thống nhất ý kiến trình bày của ông Đ. Bà không có ý kiến gì khác, bà ủy quyền cho ông Đ đại diện tham gia tố tụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2624/2023/HC-ST ngày 25/12/2023, Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm d khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 204, khoản 1 Điều 206, Điều 211, khoản 1 Điều 213 Luật Tố tụng Hành chính 2015; các khoản 1 Điều 6, khoản 3 và khoản 6 Điều 12, điểm d khoản 1 Điều 57 Luật đất đai 2013; khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ - CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 11 Nghị định số 04/2022/NĐ - CP ngày 06/01/2022); khoản 1 và khoản 2 Điều 58, điểm đ khoản 1 Điều 59, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65, khoản 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm Hành chính năm 2012 sửa đổi bổ sung năm 2020; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ - CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 4 Điều 92, khoản 1 Điều 93 Luật Nhà ở năm 2014; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của ông Đặng Hữu Đ về yêu cầu hủy Quyết định số 1235/QĐ - KPHQ ngày 22/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đặng Hữu Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/01/2024, người khởi kiện là ông Đặng Hữu Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đặng Hữu Đ còn trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Ngày 28/02/2022 ông Đặng Hữu Đ đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1235/QĐ-KPHQ ngày 22/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông Đ tháo dỡ nhà xây dựng trái phép trên diện tích 40m^2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[3] Xét tính hợp pháp đối với Quyết định số 1235/QĐ-KPHQ ngày 22/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T:

[3.1] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 20/01/2022, UBND phường T lập Biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Đặng Hữu Đ về hành vi vi phạm "chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp" nhưng chưa xác định được đối tượng vi phạm. Hiện trạng sử dụng trên đất đã cất 01 căn nhà kết cấu vách gạch + tôn, mái tôn diện tích 40 m2 vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Thời điểm căn nhà nêu trên được xây dựng khoảng năm 2008 đến thời điểm lập biên 16/BB-VPHC đã hết thời hiệu ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính. Nên ngày 22/02/2022, Chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 1235/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc ông Đ tháo dỡ nhà xây dựng trái phép trên diện tích 40m^2 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại khoản 1, 2 Điều 58, điểm đ khoản 1 Điều 59, điểm c khoản 1, 2 Điều 65, khoản 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm Hành chính; Điểm a khoản 1 Điều 12

Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Điểm a khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 (sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 11 Nghị định số 04/2022/NĐ - CP ngày 06/01/2022) của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[3.2] Về nội dung của quyết định hành chính bị kiện:

Diện tích đất 40m^2 thuộc một phần thửa đất số 611, tờ bản đồ số 61 phường T, thành phố T được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận cho bà Lê Thị C2 vào năm 2010 là loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Năm 2008, bà C2 chuyển nhượng cho ông K, sau đó ông K làm nhà ở. Năm 2010, ông K chuyển nhượng cho ông Lê Văn B, năm 2012 ông B chuyển nhượng cho bà Mai Hồng T3, năm 2013 bà T3 chuyển nhượng lại cho ông Đ, tất cả các giấy tờ chuyển nhượng đều viết tay, không có công chứng/chứng thực, không đăng ký hay kê khai việc chuyển nhượng với cơ quan Nhà nước. Ngày 20/01/2022, UBND phường T phát hiện ông Đ đang sử dụng đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vào mục đích đất ở, là vi phạm khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, nên lập biên bản vi phạm là đúng. Do nhà này không phải ông Đặng Hữu Đ xây dựng, mà do ông Nguyễn Anh K làm từ năm 2008, chính quyền địa phương đã biết (thông qua việc cấp số nhà), nhưng đến ngày 20/01/2022 UBND phường T mới lập biên bản, nên thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xây dựng trái phép và sử dụng đất không đúng mục đích đã hết thời hiệu. Đồng thời ông Đ là chủ sở hữu đang trực tiếp quản lý sử dụng căn nhà cấp 4 tại địa chỉ số F đường Ụ thuộc thửa đất số 611, tờ bản đồ số 61 phường T nên theo quy định tại khoản 4 Điều 92, khoản 1 Điều 93 Luật Nhà ở năm 2014 thì ông Đ là người có trách nhiệm tháo dỡ, chứ không phải người trực tiếp xây dựng có trách nhiệm tháo dỡ.

Do đó ngày 22/02/2022 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1235/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả - buộc ông Đ tháo dỡ công trình nhà xây dựng kết cấu vách gạch + tôn, mái tôn với diện tích 40m^2 là đúng khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi, bổ sung năm 2020 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Hữu Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đặng Hữu Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm d khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 204, khoản 1 Điều 206, Điều 211, khoản 1 Điều 213 Luật Tố tụng Hành chính 2015;

Các khoản 1 Điều 6, khoản 3 và khoản 6 Điều 12, điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 11 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022);

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 58, điểm đ khoản 1 Điều 59, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65, khoản 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 4 Điều 92, khoản 1 Điều 93 Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo ông Đặng Hữu Đ; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2624/2023/HC-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu Đ về yêu cầu hủy Quyết định số 1235/QĐ-KPHQ ngày 22/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đặng Hữu Đ.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đặng Hữu Đ phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B1 lại thu số 0031770 ngày 29/01/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm). (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh